TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 461/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 3, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 460/2019/TB-TL-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982
Địa chỉ: Số 280/43/13, đường C, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Ông Thái Tô G, Sinh năm 1984
Địa chỉ: Số 49/6 Đường B, tổ 26, KP 2, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/07 do Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2007 cho bà Nguyễn Thị N và ông Thái Tô G nên quan hệ hôn nhân của bà N và ông G là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Thái Tô G đều xác nhận do vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà N và ông G là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông G đều xác nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên Thái Ngọc B, sinh ngày 18/3/2009. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 10/6/2019 cho đến khi con thành niên.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Thái Tô G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Thái Ngọc B, sinh ngày 18/3/2009 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Thái Tô G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 10/6/2019 cho đến khi con thành niên.

Ông Thái Tô G được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ nếu ông Thái Tô G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì ông Thái Tô G còn phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà N và ông G phải chịu và được tính cấn trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0014128 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N, ông G đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

T H Ẩ M P H Á N

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

P h a n T h ị H o a